

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN CÔNG DÂN VÀ DỤ BÁO HOÀN THIỆN HỆ THỐNG PHÁP LUẬT ĐẾN NĂM 2030

1. Những thành tựu đạt được

Từ khi tiến hành công cuộc đổi mới, Việt Nam đã có bước phát triển ấn tượng về kinh tế, tạo đà cải thiện rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của người dân, cùng các tiền đề bảo đảm người dân được hưởng thụ đầy đủ hơn các quyền cơ bản.

Đổi mới kinh tế đã đặt ra nhu cầu công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người trên lĩnh vực kinh tế, đồng thời tác động đến quyền con người trên các lĩnh vực khác.

Ngày 12-7-1992, Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) đã ban hành Chỉ thị số 12-CT/TW về vấn đề quyền con người và quan điểm, chủ trương của Đảng ta. Chỉ thị đề cập những nội dung cốt lõi nhất về quyền con người và quan điểm của Đảng về vấn đề quan trọng này. Trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người, Chỉ thị số 12-CT/TW đã đưa ra một số hệ thống quan điểm của Đảng về quyền con người.

Quyền con người là giá trị chung của nhân loại, là thành quả đấu tranh của nhân dân lao động trên thế giới chống lại mọi áp bức, bóc lột, làm chủ thiên nhiên. Quyền con người là sản phẩm của sự kết hợp giữa tính phổ biến và tính đặc thù. Trong xã hội có giai cấp đối kháng, quyền con người có tính giai cấp sâu sắc, gắn với quyền dân tộc cơ bản và thuộc phạm vi chủ quyền quốc gia... Quan điểm, chủ trương của Đảng về quyền con người là nền tảng của việc đề ra hệ thống các chính sách pháp luật bảo đảm quyền con người trên các lĩnh vực cụ thể. Quan điểm này có ý nghĩa hết sức quan trọng, vì nó chỉ ra được cách giải quyết một trong những mối quan hệ cơ bản nhất của vấn đề nhân quyền, khắc phục được cách hiểu phiến diện, cực đoan về vấn đề nhân quyền.

Bảo đảm quyền con người là trách nhiệm chung của nhà nước và toàn xã hội nhằm ngày càng hoàn thiện và nâng cao các quyền con người, vì lợi ích của Nhân dân. Quyền con người là vấn đề đang được đặt ra trong các mối quan hệ quốc tế, cần làm tốt công tác đối ngoại, trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền

quốc gia, thiện chí hợp tác trên lĩnh vực quyền con người; đồng thời đấu tranh với những âm mưu lợi dụng vấn đề này để chống phá đất nước.

Hiến pháp năm 1992, sửa đổi, bổ sung năm 2001 lần đầu tiên đề cập đến thuật ngữ “quyền con người” và khẳng định tại Điều 50 như sau: “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa và xã hội được tôn trọng, thể hiện ở các quyền công dân và được quy định trong Hiến pháp và luật”. Cùng với khái niệm quyền con người, các khái niệm có liên quan khác như quyền bình đẳng của phụ nữ, quyền trẻ em... cũng được chính thức đề cập trong các văn kiện của Đảng và các văn bản pháp luật, pháp quy của Nhà nước. Điều đó cũng tạo nên sự chuyển biến về nhận thức: Từ sự đồng nhất khái niệm quyền con người, coi quyền con người như là sản phẩm của chủ nghĩa cá nhân hoặc như là một thứ công cụ chính trị, đến nhìn nhận khách quan hơn, coi nhân quyền là sản phẩm chung, là sự kết tinh của nền văn minh nhân loại; tuy mang tính phức tạp và nhạy cảm, nhưng vẫn là một yếu tố không thể bỏ qua trong đời sống chính trị hiện đại. Từ Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng và các kỳ Đại hội sau đó, Đảng đã không ngừng bổ sung, hoàn thiện đường lối đổi mới toàn diện, theo đó, quyền con người trên tất cả các lĩnh vực chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội... ngày càng được thừa nhận, tôn trọng và bảo vệ.

Hệ thống các quy định pháp luật về quyền con người Việt Nam đã định hình và có những bước phát triển đáng chú ý trong giai đoạn hơn 20 năm trở lại đây.

Việt Nam hiện nay đã tham gia vào hầu hết các công ước quốc tế quan trọng về quyền con người như: Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 của Liên hợp quốc, Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa năm 1966 của Liên hợp quốc, Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc năm 1965 của Liên hợp quốc, Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ năm 1979 của Liên hợp quốc, Công ước về quyền trẻ em năm 1989 của Liên hợp quốc, Công ước về chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người năm 1984 của Liên hợp quốc, Công ước về quyền của người khuyết tật năm 2007 của Liên hợp quốc. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng đã phê chuẩn 17 công ước của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) về quyền của người lao động. Việt Nam đã và đang nỗ lực nội luật hóa các công ước quốc tế đã tham gia và

xác định nguyên tắc xây dựng pháp luật không làm cản trở việc thực hiện các công ước quốc tế này.

Năm 2008, Việt Nam ký Công ước về quyền của người khuyết tật. Tiếp theo trong năm 2012, Việt Nam đã gia nhập Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia năm 2000 và Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em năm 2000, gia nhập Công ước số 122 của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) về Chính sách việc làm. Năm 2013, Việt Nam đã phê chuẩn Công ước số 186 về Lao động Hàng hải và năm 2014 Việt Nam phê chuẩn Công ước về chống tra tấn và trừng phạt hoặc đối xử tàn nhẫn, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người năm 1984 của Liên hợp quốc OPCAT. Hiện nay, Việt Nam cũng đang xem xét nghiêm túc để gia nhập Công ước về bảo vệ tất cả mọi người khỏi bị cưỡng bức, mất tích năm 2006, Công ước quốc tế về bảo vệ quyền của tất cả người lao động di cư và các thành viên gia đình họ năm 1990, Công ước về vị thế của người tị nạn năm 1951, Công ước về vị thế của người không quốc tịch năm 1954.

Đối với các công ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã là thành viên, Việt Nam đã và đang nỗ lực tổ chức thực thi các quy định của các công ước và thực hiện nghĩa vụ báo cáo với tinh thần cầu thị và tích cực. Trong những năm gần đây, ngày càng nhiều hơn các bản báo cáo mang tính quốc gia được Việt Nam đưa ra để tự đánh giá, nhìn nhận về quá trình thực hiện các công ước, điều ước quốc tế về quyền con người¹.

Bên cạnh đó, Việt Nam cũng thể hiện vai trò là thành viên tích cực trong các diễn đàn, hội nghị khu vực và quốc tế trong lĩnh vực nhân quyền. Ở cấp độ khu vực, cùng các nước thành viên ASEAN, Việt Nam đã có những đóng góp tích cực trong việc thành lập Ủy ban liên Chính phủ ASEAN về nhân quyền (AICHR), Ủy ban ASEAN về bảo vệ và thúc đẩy các quyền của phụ nữ và trẻ em, thông qua tuyên bố Nhân quyền ASEAN. Đặc biệt đáng chú ý, năm 2013, với những cam kết mạnh mẽ và nhận được sự tín nhiệm cao của các nước, Việt

¹ Báo cáo Quốc gia về thực hiện quyền con người ở Việt Nam theo cơ chế kiểm định kỳ phổ cập (UPR) chu kỳ II cho biết: “Năm 2012, Việt Nam đã nộp và trình bày Báo cáo quốc gia thực hiện Công ước xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc (ICERD) giai đoạn 2000-2009; Báo cáo quốc gia thực hiện Công ước về quyền của trẻ em (CRC) giai đoạn 2008-2011. Năm 2011, Việt Nam đã hoàn thành và nộp Báo cáo quốc gia thực hiện Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR) giai đoạn 1993-2010. Năm 2012, Việt Nam đã hoàn thành và gửi Báo cáo quốc gia về tình hình thực hiện Công ước quốc tế về xóa bỏ các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW). Xây dựng Báo cáo quốc gia thực thi Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị (ICCPR). Về cơ bản, Việt Nam hoàn thành tốt nghĩa vụ báo cáo đối với các công ước mà Việt Nam là thành viên.

Nam được bầu là thành viên của Hội đồng nhân quyền Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2014 – 2016.

Hơn ba mươi năm đổi mới cũng chứng kiến những thay đổi đáng kể mang tính tích cực của hệ thống pháp luật về quyền con người, quyền công dân ở Việt Nam. Điểm nhấn chính trong những thành tựu về hoàn thiện thể chế trong lĩnh vực quyền con người, quyền công dân là việc ban hành Hiến pháp năm 2013, và số lượng lớn các luật, pháp lệnh trực tiếp hoặc gián tiếp tác động đến việc đảm bảo quyền con người, quyền công dân cũng được ban hành. Đặc biệt là từ khi Nghị quyết số 48-NQ/TW ra đời thì những thành tựu đạt được trong việc thực hiện định hướng đảm bảo quyền con người, quyền tự do dân chủ của người dân mà Nghị quyết số 48-NQ/TW đề ra trong giai đoạn 2005-2015 càng đạt được nhiều khởi sắc, được thể hiện rõ trên ba khía cạnh: i) Tiếp tục tích cực ghi nhận và coi trọng việc tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người; (ii) Mở rộng hơn các quyền con người; (iii) Xác lập nguyên tắc: quyền con người chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết.

Hiến pháp năm 2013 chứa đựng nhiều điểm tiến bộ lớn, đặc biệt trong các quy định về quyền con người, quyền công dân. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được quy định trong Chương II của Hiến pháp năm 2013 được xây dựng trên cơ sở kế thừa có chọn lọc các quy định hợp lý của Hiến pháp năm 1992, sửa đổi, bổ sung năm 2001, đồng thời sửa đổi những quy định không còn phù hợp, bổ sung thêm những quy định mới về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

Khái niệm quyền con người theo Hiến pháp năm 2013 tiệm cận với những giá trị phổ quát chung của nhân loại, đã khắc phục được sự nhầm lẫn giữa quyền con người với quyền công dân. Hiến pháp năm 2013 đã phân biệt và sử dụng riêng hai thuật ngữ “mọi người” và “công dân”². Trong khi Hiến pháp năm 1992, sửa đổi, bổ sung năm 2001 coi nội hàm của quyền con người chỉ dừng lại ở khái niệm tương đồng với “công dân”. Đến Hiến pháp năm 2013, quyền con người không chỉ bó hẹp trong giới hạn của quyền công dân nữa, mà được mở rộng ra thành “mọi người”, nghĩa là mọi cá nhân, tổ chức, nhóm xã hội và cộng

² Quyền con người được hiểu là những nhu cầu, lợi ích tự nhiên, vốn có và khách quan của con người được ghi nhận và bảo vệ trong pháp luật quốc gia và các thỏa thuận pháp lý quốc tế. Trong khi đó quyền công dân được hiểu là những lợi ích pháp lý được các nhà nước thừa nhận và bảo vệ cho những người có quốc tịch của nước mình. Quyền con người có nội hàm rộng hơn so với quyền công dân, do quyền công dân chỉ là những quyền con người được các nhà nước thừa nhận và áp dụng cho riêng công dân của mình.

đồng, không phân biệt là quốc tịch nước nào, các quyền con người đều được Nhà nước tôn trọng và bảo vệ.

Hiến pháp năm 2013 mở rộng một số quyền so với quy định trước đây, ví dụ Điều 20 và 21 của Hiến pháp năm 2013 quy định về quyền được bảo vệ đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, sức khỏe,... mở rộng hơn, cụ thể hơn nhiều so với quy định trước đó của Hiến pháp năm 1992, sửa đổi, bổ sung năm 2001, khi chỉ quy định về quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín. Thay đổi cách tiếp cận về bình đẳng giới, chuyển từ chỉ bình đẳng với giới nữ thành bình đẳng với tất cả các giới thông qua khoản 3 Điều 26 “nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới”.

Hiến pháp năm 2013 còn chế định một số quyền mới, như quyền sống (Điều 19); các quyền về nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động đó (Điều 40); quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa (Điều 41); quyền xác định dân tộc của mình, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp (Điều 42); quyền được sống trong môi trường trong lành (Điều 43); quyền không thể bị trục xuất, giao nộp cho nhà nước khác (khoản 2 Điều 17).

Như vậy có thể thấy định hướng của Nghị quyết số 48-NQ/TW về xây dựng và hoàn thiện pháp luật bảo đảm quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân đã được thể chế khá đầy đủ bởi các quy định mới của Hiến pháp năm 2013. Điều này không chỉ thể hiện ở các nguyên tắc, chế định của Hiến pháp năm 2013 mà đã từng bước được hiện thực hóa trong quá trình xây dựng các luật điều chỉnh trực tiếp các quyền con người, quyền cơ bản của công dân nhằm triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013 như Luật về Trưng cầu ý dân năm 2015, Luật Tiếp cận thông tin năm 2016, một số dự án luật đang được soạn thảo, lấy ý kiến của cử tri như Luật về Hội, Luật Biểu tình...

Một lượng lớn văn bản pháp luật về quyền con người và quyền công dân được ban hành trong giai đoạn từ khi có Nghị quyết số 48-NQ/TW đến nay là điểm đáng ghi nhận. Trong hơn 10 năm từ 2005 - 2017, Quốc hội nhiệm kỳ khóa XII và khóa XIII đã ban hành 179 luật, 28 pháp lệnh: trong đó có 45 luật và 01

pháp lệnh có nội dung liên quan tới việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người³ (chiếm tỷ lệ 22,2%).

Hầu hết các lĩnh vực liên quan đến các quyền con người cơ bản đều đã có văn bản ở cấp độ luật hoặc pháp lệnh điều chỉnh. Các quyền về dân sự và chính trị như quyền sống, quyền cư trú⁴, đi lại, tự do tín ngưỡng⁵, quyền bầu cử, ứng cử, tham gia quản lý nhà nước, quyền khiếu nại, tố cáo, quyền tự do ngôn luận, báo chí vốn đã được thể chế hóa từ trước khi có Nghị quyết số 48NQ/TW nay được tiếp tục sửa đổi, hoặc ban hành mới, số lượng luật trong nhóm quyền này tương đối đầy đủ. Nhóm các quyền kinh tế, văn hóa, xã hội cũng được tiếp tục hoàn thiện. Pháp luật về quyền sở hữu, quyền tự do kinh doanh ngày càng cụ thể và được thực thi hiệu quả hơn trên thực tế. Pháp luật về y tế, giáo dục, an sinh xã hội, văn hóa, văn nghệ tiếp tục được coi trọng hoàn thiện. Quyền của những nhóm người yếu thế trong xã hội, nhóm người dễ bị tổn thương như quyền của trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi, người nghèo, đối tượng chính sách cũng đã được chú trọng quan tâm, được ban hành thành luật riêng biệt như Luật Người cao tuổi năm 2009, Luật Người khuyết tật năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2013 hay được lồng ghép trong nhiều văn bản luật khác nhau như đối tượng chính sách, người nghèo.

Ở những mức độ khác nhau, các quyền nêu trên đã được luật hóa, bảo đảm thực hiện các quyền về tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng và tôn giáo, quyền bình đẳng trước pháp luật, quyền bầu cử, ứng cử và tham gia quản lý đất nước; thể hiện sự tiến bộ hơn trong việc xác lập và thực thi các quyền về an sinh xã hội, thực hiện xóa đói, giảm nghèo và hỗ trợ người dân tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, bảo vệ nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương trong xã hội, thể hiện chính sách nhân đạo trong hình sự; bảo đảm an toàn về mặt pháp lý trong giao dịch dân sự; mở rộng các hình thức dân chủ trực tiếp của người dân.

Để hoàn thiện chế độ bảo hộ của Nhà nước đối với các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, chế độ trách nhiệm của cơ quan nhà nước, nhất là Tòa án trong việc bảo vệ các quyền đó, xử lý nghiêm minh mọi hành vi xâm phạm

³Việc chia nhóm lĩnh vực pháp luật quyền con người và lĩnh vực khác mang tính tương đối, bởi một đạo luật có thể vừa thể hiện những giá trị về bảo vệ quyền con người vừa được tính trong lĩnh vực pháp luật khác.

⁴Luật Cư trú năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2013

⁵Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016.

quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, khắc phục việc xử lý oan, sai, Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009 (nay là Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017) đã xác lập chế độ bảo hộ của Nhà nước đối với các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân. Cùng với đó, các quyền con người, quyền cơ bản của công dân trong lĩnh vực tư pháp cũng đã được luật hóa và bảo đảm thực thi tốt hơn thông qua việc ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (hiện đã được thay thế bởi Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017), Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 (hiện đã được thay thế bởi Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015), Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2011 (hiện đã được thay thế bởi Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015), Luật Công chứng năm 2014, Luật Luật sư năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2012, 2015, Luật Trợ giúp pháp lý năm 2006 (hiện đã được thay thế bởi Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017), Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, Luật Thi hành án hình sự năm 2010, Luật Đặc xá năm 2007, Luật Giám định tư pháp năm 2012, Luật Lý lịch tư pháp năm 2009, Luật Tổ tụng hành chính năm 2010 (hiện đã được thay thế bởi Luật Tổ tụng hành chính năm 2015)...

Pháp luật về quyền giám sát của các cơ quan dân cử, quyền trực tiếp giám sát, kiểm tra của công dân đối với các hoạt động của cơ quan, cán bộ, công chức đã đổi mới một bước, theo đó hoạt động giám sát tối cao của Quốc hội đã được thực hiện thường xuyên hơn theo quy định của Hiến pháp và Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội năm 2003 (nay là Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015). Bên cạnh đó, một số văn bản pháp luật được ban hành để mở rộng các hình thức dân chủ trực tiếp, tạo điều kiện cho người dân tham gia vào công việc của Nhà nước. Chẳng hạn như Luật Khiếu nại năm 2011, sửa đổi, bổ sung năm 2013 quy định về khiếu nại và giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước. Luật Tố cáo năm 2011 điều chỉnh việc giải quyết tố cáo về vi phạm trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức ở các cơ quan, tổ chức; vi phạm pháp luật trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; đồng thời quy định chặt chẽ việc bảo vệ người tố cáo.

Quyền lập hội của người dân đã từng bước được tôn trọng và bảo đảm trên cơ sở Hiến pháp và các quy định của Chính phủ. Kết quả các hội được

thành lập ngày càng phong phú và đa dạng, vai trò của các hội ngày càng được nâng cao, đóng góp không nhỏ cho công cuộc xây dựng và đổi mới đất nước, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế; công tác định hướng phát triển ngành nghề, tham gia ý kiến, tư vấn khoa học, phản biện khoa học ngày càng có hiệu quả.

2. Những hạn chế, bất cập

Quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật về quyền con người có lúc còn chậm; một số nhóm quyền con người còn thiếu quy định của luật để bảo đảm thực hiện; Việc tổ chức thi hành pháp luật trong lĩnh vực quyền con người còn có những hạn chế.

Trong Nghị quyết số 48-NQ/TW, hoàn thiện pháp luật về đảm bảo quyền con người, quyền tự do dân chủ là một trong sáu định hướng lớn hoàn thiện hệ thống pháp luật quốc gia, tuy nhiên nhiều nội dung của định hướng này được triển khai chậm chạp. Nếu so sánh trong bức tranh tổng thể với các định hướng hoàn thiện pháp luật khác thì quá trình hoàn thiện pháp luật về quyền con người, quyền công dân diễn ra chậm. Sự chậm trễ được thể hiện trong việc chậm ban hành luật, chậm đổi mới luật, chậm hướng dẫn thi hành, chậm trong việc tổ chức thực thi. Một loạt các ví dụ điển hình cho nhận định trên có thể thấy như quá trình xây dựng các dự án Luật Biểu tình, Luật về Hội kéo dài qua nhiều nhiệm kỳ Quốc hội mặc dù định hướng này đã có trong Nghị quyết số 48-NQ/TW và có cơ sở pháp lý được quy định tại Hiến pháp năm 1992, sửa đổi, bổ sung năm 2001. Chậm đổi mới hệ thống pháp luật trong lĩnh vực quyền con người, quyền công dân còn được thể hiện qua việc chậm sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật đã có trong lĩnh vực này. Việc ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu về thời gian, đặc biệt là ở cấp chính quyền địa phương. Cuối cùng, công tác tổ chức thi hành pháp luật trong lĩnh vực này ở một số nơi, có thời điểm còn thiếu sát sao, thậm chí mang tính hình thức.

Một điểm đáng chú ý khác đó là việc nội luật hóa các công ước quốc tế về quyền con người còn chậm và nhiều bất cập. Kết quả nghiên cứu, rà soát và phân tích so sánh giữa các quy định của pháp luật hiện hành với Hiến pháp năm 2013 và các công ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã ký kết, gia nhập cho thấy, vẫn còn nhiều quy định trong các đạo luật hiện hành chưa tương

thích với các quy định của Hiến pháp năm 2013 và các công ước⁶. Ví dụ như việc thành lập cơ quan nhân quyền quốc gia (một trong các nội dung Việt Nam cam kết thực hiện khi ứng cử vào Hội đồng nhân quyền Liên hợp quốc) vẫn chưa được thành lập dù chúng ta đã sắp kết thúc nhiệm kỳ là thành viên của Hội đồng nhân quyền Liên hợp quốc; hay việc Việt Nam tham gia vào các công ước quốc tế chưa trọn vẹn khi vẫn còn nhiều điều khoản của các công ước quốc tế về quyền con người chúng ta vẫn đang bảo lưu chưa thực hiện.

Thiếu các đạo luật là cơ sở pháp lý cho người dân thực hiện một số nhóm quyền con người như: quyền tự do lập hội, quyền biểu tình. Mặc dù yêu cầu xây dựng hầu hết các luật nêu ra trên đều đã được ghi nhận trong Nghị quyết số 48-NQ/TW và có cơ sở pháp lý là Hiến pháp năm 1992, sửa đổi năm 2001 cũng như Hiến pháp năm 2013 nhưng đến nay sau hai phần ba thời gian thực hiện nghị quyết các đạo luật về những vấn đề nêu trên vẫn chưa được ban hành.

Bên cạnh đó, Hiến pháp năm 2013 đề ra nhiều quyền mới thuộc lĩnh vực quyền con người như quyền sống (Điều 19); các quyền về khoa học và công nghệ, văn hóa (Điều 40 và 41); quyền xác định dân tộc, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp (Điều 42); quyền sống trong môi trường trong lành (Điều 43); quyền của công dân không bị trục xuất, giao nộp cho nước khác (Điều 17 khoản 2). Đến nay, sau hơn 03 năm Hiến pháp năm 2013 được ban hành, chưa có nhiều việc được làm để thể chế hóa các quy định này.

Việc tổ chức thực thi pháp luật trong lĩnh vực này chưa được quan tâm đúng mức, thể hiện sự bất cập trong năng lực tổ chức thực thi pháp luật. Nhiều ví dụ có thể chỉ ra như tình trạng oan sai trong quy trình tố tụng hình sự với những sai sót lớn trong quá trình tố tụng ở các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử: vụ án ông Nguyễn Thanh Chấn sinh năm 1961 tại Bắc Giang bị kết án chung thân về tội giết người. Ông được trả tự do vào tháng 11-2013 sau khi hung thủ thực sự ra đầu thú. Tính đến thời điểm đó ông bị oan và phải ngồi tù 10⁷ năm hay vụ án ông Huỳnh Văn Nén ở Bình Thuận - người bị kết án oan 17 năm 5 tháng 2 vụ án giết người...⁸ Các thiết chế về bảo vệ quyền con người chưa thực sự được quan tâm tương ứng với yêu cầu bảo vệ quyền con người trong nhà nước pháp quyền, ví dụ như thiết chế bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tồn tại

⁶TS. Ngô Đức Mạnh: Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và quyền con người ở Việt Nam.

⁷ https://vi.wikipedia.org/wiki/vu_an_oan_Nguyễn_Thanh_Chấn.

⁸ <https://tuoitre.vn/ong-huynh-van-nen-duoc-boi-thuong-oansai-hon-10-ti-dong-1276079.htm>.

mang tính hình thức; mô hình thiết chế bảo vệ quyền con người ở Việt Nam chưa rõ, chưa được quan tâm nghiên cứu. Mặc dù không mang tính điển hình nhưng đâu đó vẫn có tình trạng chính quyền địa phương tuân thủ không đúng, không đầy đủ quy định của pháp luật hoặc tự đặt ra các “lệ” dẫn đến vi phạm các quyền công dân của người dân⁹. Hoặc ngay cả quyền tự do kinh doanh của người dân cũng đôi khi bị hạn chế, bị ảnh hưởng bởi những giấy phép con, bởi thái độ bất hợp tác, gây khó dễ của cán bộ, công chức trong quá trình người dân thực hiện quyền của mình.

Bên cạnh đó, việc bảo vệ quyền con người của một số đối tượng chưa được quan tâm đúng mức bảo vệ quyền của nhóm người đồng tính, song tính, chuyển giới (LGBT); bảo hộ của Nhà nước với công dân đi lao động ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài...);

Hiện nay cũng chưa có một cơ quan, một thiết chế độc lập nào đứng ra chịu trách nhiệm chính chủ trì việc đảm bảo quyền con người, quyền công dân ở nước ta. Việc bảo đảm quyền con người hiện nay thuộc trách nhiệm của nhiều cơ quan khác nhau phù hợp với trách nhiệm của từng cơ quan với mô hình và bản chất khác nhau, ví dụ như cơ quan nhà nước (Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ,...), các tổ chức hiệp hội. Cách làm hiện nay có những ưu điểm nhất định nhưng ngược lại cũng có nhiều hạn chế như: hạn chế trong hiệu quả sự phối kết hợp, hạn chế trong khả năng nhận biết và tiếp cận của công dân khi có các vấn đề về quyền con người, quyền công dân khi có sự kiện phát sinh.

3. Khuyến nghị hoàn thiện hệ thống pháp luật về quyền con người

Hệ thống pháp luật Việt Nam trong thời gian tới cần hướng trọng tâm vào mục tiêu phát huy nhân tố con người, bảo đảm thực hiện tốt hơn các quyền và tự do cơ bản của người dân, đảm bảo hệ thống pháp luật quốc gia hài hòa và phù hợp với các chuẩn mực pháp luật quốc tế, thực hiện nghiêm chỉnh các cam kết quốc tế về quyền con người.

Khi tiến hành nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các đạo luật hiện hành từ góc độ quyền con người cần căn cứ vào các quy định của Hiến pháp 2013 và các

⁹. Ở một số địa phương, chính quyền cấp cơ sở viện dẫn việc công dân không thực hiện một số nghĩa vụ đóng góp để gây khó dễ trong việc thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến hộ tịch, chứng thực như ở huyện Ngọc Trung, tỉnh Thanh Hóa. Việc này đã được báo chí, các phương tiện thông tin đại chúng đề cập như trang <http://congan.com.vn/tin-chinh/xon-xao-chuyen-ubnd-xa-tu-choi-chung-thuc-giay-to-vidan-no-tien-dong-gop-33961.html>.

công ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã ký kết, gia nhập mà thực hiện việc sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về quyền con người, quyền công dân. Cần rà soát để loại bỏ các quy định hạn chế quyền con người đang được quy định trong các văn bản dưới luật vì vi phạm quy định của khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013. Sớm xây dựng các văn bản pháp luật thực hiện quyền con người, quyền công dân về tự do lập hội, tự do biểu tình. Cần khắc phục quan niệm quá nhấn mạnh, quá coi trọng các nội dung về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực báo chí, xuất bản, lập hội, tôn giáo, tín ngưỡng mà chưa quan tâm, coi trọng đúng mức đến việc thể hiện, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong các lĩnh vực này.

Nghiên cứu xây dựng các văn bản pháp luật về một số quyền con người, quyền công dân được Hiến pháp năm 2013 bổ sung như quyền sống (Điều 19), quyền được bảo đảm an sinh xã hội (Điều 34), quyền được hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa (Điều 41), quyền xác định dân tộc của mình, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp (Điều 42), quyền được sống trong môi trường trong lành (Điều 43),... Nghiên cứu, hoàn thiện chế độ bảo hộ của Nhà nước đối với các nhóm chủ thể đặc thù như người dân tộc thiểu số, người chuyển đổi giới tính, đồng tính, lưỡng tính.

Hoàn thiện pháp luật bảo đảm quyền tự do, dân chủ và bình đẳng của công dân trong việc tiếp cận pháp luật và hệ thống tư pháp với mục tiêu cải cách sâu rộng quan hệ giữa Nhà nước với người dân, tạo điều kiện cho mọi người dân có cơ hội ngang nhau trong việc tiếp cận, sử dụng và hưởng thụ các dịch vụ công trong lĩnh vực hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp¹⁰.

Hiến pháp là văn bản có vai trò quan trọng nhất trong việc ghi nhận, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân cho nên Hiến pháp cần được bảo vệ. Vì vậy, cần xây dựng cơ chế bảo vệ Hiến pháp một cách thực chất.

Để nâng cao hiệu quả của hoạt động bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, theo kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới cần xây dựng cơ quan quốc gia bảo vệ quyền con người.

Để bảo đảm hiệu lực và hiệu quả của cơ quan quốc gia về quyền con người có thể cần xây dựng cơ quan này theo mô hình Ủy ban quốc gia về quyền

¹⁰ Báo cáo sơ kết 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW.

con người với vị thế pháp lý là cơ quan do Quốc hội thành lập trên cơ sở luật định. Cơ quan quốc gia theo mô hình Ủy ban quốc gia về quyền con người có chức năng, nhiệm vụ sau:

- Xây dựng các chương trình, kế hoạch về thực hiện quyền con người ở Việt Nam, trong đó có chương trình giáo dục về quyền con người, chương trình thông tin về quyền con người.

- Soạn thảo các báo cáo liên quan đến quyền con người Việt Nam để trình các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Làm đầu mối trong quan hệ về các vấn đề quyền con người với các tổ chức quốc tế, khu vực và tổ chức của các quốc gia về quyền con người.

- Đề xuất việc phê chuẩn, gia nhập các điều ước quốc tế về quyền con người.

- Thúc đẩy, nâng cao nhận thức về quyền con người cho cán bộ, công chức nhà nước và Nhân dân thông qua các hoạt động thông tin, truyền thông và đào tạo.

- Tổ chức nghiên cứu, khảo sát tình hình thực hiện quyền con người ở trong nước và trên thế giới.

- Xem xét đơn khiếu nại, tố cáo về vi phạm quyền con người và hướng dẫn cho cá nhân đến cơ quan có thẩm quyền để xử lý, giải quyết.

- Đề xuất, kiến nghị sửa đổi pháp luật, chấn chỉnh các hoạt động của các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức nhà nước có hành vi vi phạm quyền con người.

TTBD ĐBDC

